

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 325/QĐ-CĐCĐHN ngày 23 tháng 6 năm 2017
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội)

Tên ngành:	Hệ thống thông tin quản lý
Mã ngành:	6320304
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	2.5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo người học trở thành một chuyên viên về hệ thống thông tin kinh tế, đảm bảo được các kỹ năng:

- Thu thập, phân loại, phân tích, thiết kế các luồng thông tin trong các tổ chức.
- Sắp xếp, tổ chức, tối ưu hoá, liên tục cải tiến hệ thống thông tin trong tổ chức để nâng cao hiệu quả hoạt động.
- Triển khai số hoá, tin học hoá hệ thống thông tin của tổ chức trên hệ thống máy tính, phần mềm quản trị.

1.2. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

1.2.1. Kiến thức

- Có kiến thức nền tảng về hệ thống thông tin quản lý và công nghệ thông tin.
- Có kiến thức chuyên sâu về phân tích thiết kế hệ thống, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị mạng, lập trình,...có khả năng phân tích thiết kế, xây dựng và phát triển Hệ thống thông tin quản lý, quản trị mạng máy tính.
- Có kiến thức chuyên sâu về kế toán và quản trị tài chính doanh nghiệp, ứng dụng của tin học trong kế toán, kinh doanh,... Có khả năng triển khai hiệu quả dự án hệ thống thông tin về mặt kinh tế.
- Sử dụng thành thạo phần mềm phục vụ cho văn phòng và kế toán.
- Có trình độ B Tiếng Anh.

1.2.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm.

- Có kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề.
- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.
- Có kỹ năng quản trị hệ thống.
- Có kỹ năng ứng dụng những tiên bộ khoa học công nghệ vào các hoạt động quản lý kinh tế và kinh doanh.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật nhà nước, nội quy cơ quan.
- Yêu nghề, có đạo đức, có trách nhiệm với công việc, có tinh thần cải tiến, sáng kiến chuyên nghiệp cho công việc. Tôn trọng luật bản quyền.
- Năng động, bản lĩnh, cầu tiến, tự khẳng định bản thân và có tinh thần phục vụ cộng đồng.
- Hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và các cá nhân bên ngoài tổ chức.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Làm việc ở các bộ phận tin học, kế toán, kinh doanh, quản lý dữ liệu, quản lý nhân sự, quản trị hệ thống thông tin, quản trị mạng, thiết kế và xây dựng phần mềm trong cơ quan nhà nước, công ty, ngân hàng, tổ chức kinh tế xã hội; giảng dạy tin học trong cơ sở giáo dục.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 39 môn học
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 107 tín chỉ (2.520 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 27 tín chỉ (615 giờ)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 80 tín chỉ (1.905 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 721 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.699 giờ
- Kiểm tra: 100 giờ.

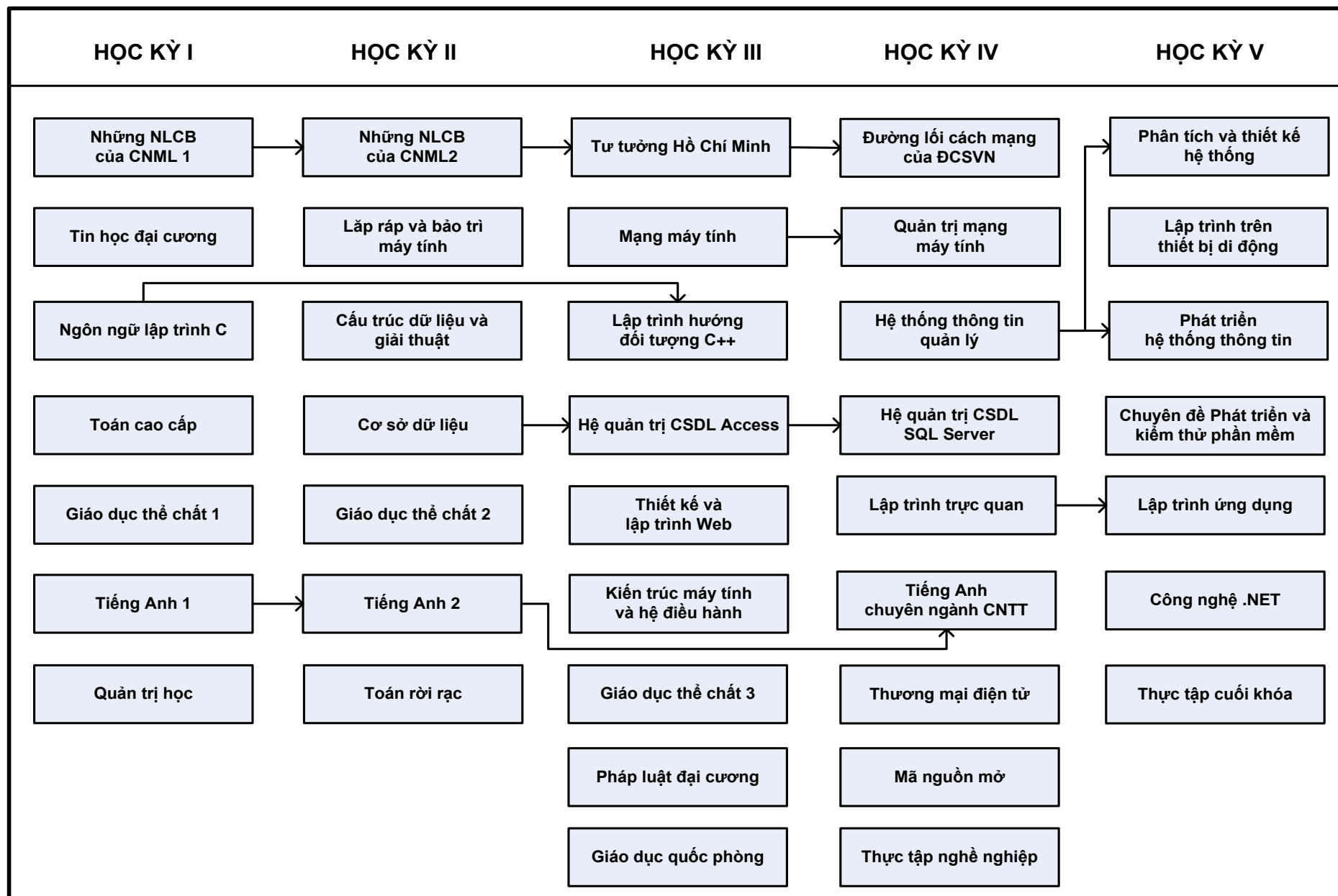
3. Nội dung chương trình

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Lý thuyết	Trong đó		Kiểm tra	
					TH,TT, TN, BT, TL	TL, BT		
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	27	615	181	82	332	20	
MH.01	Những NLCB của CNML1	2	30	20	9		1	
MH.02	Những NLCB của CNML2	3	45	32	12		1	MH.01
MH.03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	20	9		1	MH.02
MH.04	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	33	11		1	MH.03
MH.05	Pháp luật đại cương	2	30	20	9		1	
MH.06	Tiếng Anh 1	3	60	14	16	27	3	
MH.07	Tiếng Anh 2	3	60	12	16	30	2	MH.05
MH.08	Tin học đại cương	3	60	30		28	2	
MH.09	Giáo dục thể chất 1	1	30			27	3	
MH.10	Giáo dục thể chất 2	1	30			28	2	
MH.11	Giáo dục thể chất 3	1	30			27	3	
MH.12	Giáo dục quốc phòng	3	165			165		
II	CÁC MÔN HỌC CHUYÊN MÔN	80	1,905	540	109	1,176	80	
II.1	Môn học cơ sở	29	495	247	95	120	33	
MH.13	Toán cao cấp	3	45	22	22		1	

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TÍN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH,TT, TN, BT, TL			
					TL, BT	TH, TN,TT		
MH.14	Hệ quản trị CSDL Access	3	60	24		30	6	
MH.15	Toán rời rạc	3	45	27	15		3	
MH.16	Quản trị học	2	30	15	13		2	
MH.17	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	45	27	15		3	
MH.18	Hệ thống thông tin quản lý	3	60	27		30	3	
MH.19	Ngôn ngữ lập trình C\C++	3	60	24		30	6	
MH.20	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	27	15		3	
MH.21	Cơ sở dữ liệu	3	45	27	15		3	
MH.22	Lắp ráp và bảo trì máy tính	3	60	27		30	3	
II.2	Môn học chuyên môn	32	675	254	14	369	38	
MH.23	Mạng máy tính	3	60	27		30	3	
MH.24	Lập trình hướng đối tượng C++	2	45	15		27	3	MH.19
MH.25	Lập trình trực quan	3	60	27		30	3	
MH.26	Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	60	27		30	3	MH.14
MH.27	Quản trị mạng máy tính	2	45	15		27	3	MH.23
MH.28	Thiết kế và lập trình web	3	60	27		30	3	
MH.29	Phát triển hệ thống thông tin	3	60	27		30	3	MH.18

MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TIN CHỈ	THỜI GIAN HỌC TẬP (GIỜ)					MÃ MÔN HỌC/ MÔ ĐUN TIÊN QUYẾT
			Tổng	Trong đó			Kiểm tra	
				Lý thuyết	TH,TT, TN, BT, TL	TL, BT		
MH.30	Thương mại điện tử	2	45	15		27	3	
MH.31	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	14	14	30	2	
MH.32	Mã nguồn mở	2	45	15		27	3	
MH.33	Công nghệ .NET	2	45	15		27	3	
MH.34	Phân tích và thiết kế hệ thống	2	45	15		27	3	
MH.35	Lập trình trên thiết bị di động	2	45	15		27	3	
II.4	Thực tập và khóa luận	19	735	39	0	687	9	
MH.36	Thực tập cuối khoá	10	450			450		
MH.37	Chuyên đề lập trình ứng dụng	2	45	15		27	3	
MH.38	Chuyên đề phát triển và kiểm thử phần mềm	3	60	24		30	6	
MH.39	Thực tập nghề nghiệp	4	180			180		
	Tổng cộng	107	2,520	721	191	1,508	100	

4. Sơ đồ mối liên hệ và tiến trình đào tạo các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo



5. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

Thời gian đào tạo được chia làm 5 học kỳ:

- + Học kỳ 1 và học kỳ 2: các môn học chung và môn học cơ sở.
- + Học kỳ 3 và học kỳ 4: các môn học chung, môn học cơ sở, môn học chuyên môn và môn học tự chọn.
- + Học kỳ 5: các môn học môn học chuyên môn, môn học tự chọn và thực tập cuối khóa.

Cụ thể dự kiến phân học kỳ như sau:

+ HỌC KỲ I

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Những NLCB của CNML1	2	30	
2	Tiếng Anh 1	3	60	
3	Tin học đại cương	3	60	
4	Giáo dục thể chất 1	1	30	
5	Toán cao cấp	3	45	
6	Quản trị học	2	30	
7	Ngôn ngữ lập trình C	3	60	
	TỔNG	17	315	

+ HỌC KỲ II

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Những NLCB của CNML2	3	45	
2	Tiếng Anh 2	3	60	
3	Giáo dục thể chất 2	1	30	
4	Toán rời rạc	3	45	
5	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	
6	Cơ sở dữ liệu	3	45	
7	Lắp ráp và bảo trì máy tính	3	60	
	TỔNG	19	330	

+ HỌC KỲ III

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
2	Pháp luật đại cương	2	30	
3	Giáo dục thể chất 3	1	30	
4	Giáo dục quốc phòng	3	165	
5	Hệ quản trị CSDL Access	3	60	
6	Kiến trúc máy tính và hệ điều hành	3	45	
7	Mạng máy tính	3	60	
8	Lập trình hướng đối tượng C++	2	45	
9	Thiết kế và lập trình web	3	60	
	TỔNG	22	525	

+ HỌC KỶ IV

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	
2	Hệ thống thông tin quản lý	3	60	
3	Lập trình trực quan	3	60	
4	Hệ quản trị CSDL SQL Server	3	60	
5	Quản trị mạng máy tính	2	45	
6	Thương mại điện tử	2	45	
7	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	
8	Mã nguồn mở	2	45	
9	Thực tập nghề nghiệp	2	90	
	TỔNG	23	510	

+ HỌC KỶ V

TT	TÊN MÔN HỌC/ MÔ ĐUN	SỐ TC	SỐ GIỜ	GHI CHÚ
1	Phát triển hệ thống thông tin	3	60	
2	Phân tích và thiết kế hệ thống	2	45	
3	Lập trình trên thiết bị di động	2	45	
4	Công nghệ .NET	2	45	
5	Chuyên đề lập trình ứng dụng	2	45	
6	Chuyên đề phát triển và kiểm thử phần mềm	3	60	
7	Thực tập cuối khoá	10	450	
	TỔNG	24	750	

6. Hướng dẫn sử dụng chương trình

6.1. Các môn học chung bắt buộc

Do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

6.2. Các môn học tự chọn:

Có tổng số 4 môn tự chọn trong chương trình đào tạo. Người học cần chọn ít nhất 2 trong 4 môn tương đương với 4 tín chỉ để hoàn thành khóa học.

6.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình đào tạo. Thống nhất như sau:

- Điểm quá trình (QT) là điểm trung bình cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên và định kỳ có trọng số 0,4 (40%), trong đó:

+ Điểm kiểm tra thường xuyên (TX) có hệ số 1 (là các điểm do giảng viên kiểm tra đột xuất hoặc chấm điểm bài tập, thảo luận, tiểu luận...) và được tính trung bình các lần kiểm tra để lấy 1 đầu điểm.

+ Điểm kiểm tra định kỳ (ĐK) có hệ số 2 (là điểm của các bài kiểm tra được quy định trong chương trình môn học) và được tính trung bình các bài kiểm tra để lấy 1 đầu điểm.

- Điểm QT = (TX + 2*ĐK)/3

- Điểm thi kết thúc môn học (T): có trọng số 0,6 (60%)
- Điểm tổng kết môn học (Điểm TK) = $0,4*QT + 0,6*T$

6.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.
- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.
- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành theo quy định của Nhà trường.

6.5. Các chú ý khác

- Các môn học có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi môn học phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng môn học phải được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

- Chương trình môn học phải phân bổ thời gian học lý thuyết, thực hành, thảo luận, thí nghiệm và phần thực tập. Chương trình môn học phải được thông qua tổ Bộ môn, Khoa, phòng Đào tạo và Hiệu trưởng duyệt trước khi thực hiện.

- Môn học bắt buộc là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

- Môn học tự chọn là môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số môn học quy định cho mỗi chương trình.

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Thời gian tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn là điều kiện để người học tiếp thu kiến thức, kỹ năng nhưng không tính quy đổi ra giờ tín chỉ trong chương trình;

- Một giờ học thực hành/tích hợp là 60 phút; một giờ học lý thuyết là 45 phút.

- Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ; một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ.

- Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

- Kết quả của các môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất không tính vào điểm trung bình chung của học kỳ, năm học, trung bình chung tích lũy và xếp loại tốt nghiệp của người học, nhưng là một trong những điều kiện để xét dự thi tốt

nghiệp và xét tốt nghiệp. Kết thúc môn học Giáo dục quốc phòng – An ninh nếu đạt yêu cầu thì người học được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.

- Chương trình cần được thực hiện nghiêm túc đảm bảo tổng số tiết học theo quy định. Thứ tự giảng dạy các môn học phải thoả mãn điều kiện tiên quyết và vị trí môn học.

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

ThS. Nguyễn Phúc Đức